

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-PT  
Ngày 26 - 01 - 2022  
V/v tranh chấp đòi lại tài sản và  
yêu cầu hủy giấy chứng nhận  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Hữu Bình

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Trung

Ông Đặng Văn Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Bích Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất .

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C có kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 277/2020/QĐPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Diệp Văn M, sinh năm 1975 (có mặt);
2. Ông Diệp Văn V, sinh năm 1967 (vắng mặt);
3. Bà Diệp Thị M1, sinh năm 1966 (vắng mặt);
4. Bà Diệp Thị L, sinh năm 1969 (vắng mặt);
5. Bà Diệp Thị C, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T

*Người đại diện hợp pháp của ông Diệp Văn V, bà Diệp Thị M1, bà Diệp Thị L và bà Diệp Thị C:* Ông Diệp Văn M, sinh năm 1975; địa chỉ Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T, theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2018 (có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1963 (có mặt);
2. Ông Võ Văn T, sinh năm 1962 (vắng mặt);

3. Anh Võ Minh T1, sinh năm 1987 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T

*Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn T, anh Võ Minh T1:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1963; địa chỉ Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T, theo văn bản ủy quyền 24/10/2017 (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị P:* Luật sư Đặng Văn C1 - Văn phòng luật sư Đặng Văn C1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Diệp Thị Mỹ L, sinh năm 1959 (vắng mặt);

2. Bà Diệp Thị T2, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T

*Người đại diện hợp pháp của bà Diệp Thị Mỹ L, bà Diệp Thị T2:* Ông Diệp Văn M, sinh năm 1975; địa chỉ Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T, theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2018 (có mặt).

3. Ông Lê Văn K, sinh năm 1978 (vắng mặt);

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (vắng mặt);

5. Chị Võ Thị Y, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cung địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

*Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn Kha, bà Nguyễn Thị H, chị Võ Thị Y:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1963; địa chỉ ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T, theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2020 và ngày 03/7/2020 (có mặt).

6. Ủy ban nhân dân huyện C: Do ông Trần Phong B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C làm đại diện (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Diệp Văn M là nguyên đơn trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Diệp Văn M trình bày:*

Diện tích đất 2.137,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 1329 (tư liệu năm 1991) và diện tích đất 2.020m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 1370, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T có nguồn gốc của cụ Diệp Trung R (chết năm 2006) và cụ Nguyễn Thị G (chết năm 2012) là cha mẹ của ông Diệp Văn M. Hiện nay, thửa số 1370 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị P vào năm 1995, thửa số 1329 chưa được cấp quyền sử dụng đất.

Năm 1991, cụ R cho bà Lê Thị P thuê 02 công đất lúa (thuộc thửa số 1370) với giá 100 gia lúa, thời hạn thuê 15 năm. Đến năm 1993, cụ R tiếp tục cho bà P thuê 02 công đất trồng lúa (hiện nay diện tích đất thuộc thửa số 1329), với giá 07 chỉ vàng 24k thời hạn thuê là 13 năm. Việc cho thuê có làm giấy tờ và thời hạn thuê kết thúc vào năm 2006, nhưng hiện nay giấy tờ không còn do trước đây nhà bị cháy. Bà P đã giao đủ tiền, vàng của hai lần thuê đất và gia đình bà P canh tác đất cho đến nay.

Nay ông yêu cầu bà Lê Thị P, ông Võ Văn T và anh Võ Minh T1 phải trả diện

tích đất 2.137,5m<sup>2</sup>, thuộc một phần của thửa số 1329 (tư liệu năm 1991); diện tích đất 2.020m<sup>2</sup> (theo kết quả đo đạc thực tế 1.984,7m<sup>2</sup>), thửa số 1370 cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T cho gia đình ông và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1370 cấp cho hộ bà P.

Nguyên đơn ông Diệp Văn V (D), bà Diệp Thị M1, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị C do ông Diệp Văn M làm đại diện, thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông M.

*\* Bị đơn bà Lê Thị P, ông Võ Văn T và anh Võ Minh T1 trình bày:*

Phần đất tranh chấp có diện tích 1.984,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 1370 (ký hiệu B) và diện tích 2.173m<sup>2</sup> thuộc một phần của thửa số 1329 (ký hiệu A) và theo tư liệu năm 2005 là thửa số 24 có nguồn gốc của cụ Diệp Trung R (cha ruột của ông M). Hai thửa đất này bà nhận chuyển nhượng từ cụ Diệp Trung R (cha của ông Diệp Văn M) 02 lần như sau:

Lần 1: Ngày 06/4/1991, bà P nhận chuyển nhượng 02 công đất ruộng của cụ R với giá 100 gia lúa, khi nhận chuyển nhượng có làm tờ sang nhượng chủ quyền ruộng ngày 06/4/1991 do cụ R viết, ký tên và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú xác nhận. Năm 1995, bà P được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất thửa số 1370, diện tích 2.020m<sup>2</sup>.

Lần 2: Ngày 30/6/1993 bà P nhận chuyển nhượng 02 công đất ruộng của cụ R với giá 07 chỉ vàng 24k. Khi nhận chuyển nhượng có làm tờ giao ước sang nhượng ruộng đất canh tác ngày 30/6/1993 ghi diện tích 2.020m<sup>2</sup> do chồng bà P là ông Võ Văn T viết sau đó đem qua cho cụ R ký và cụ R đánh dấu X vào tên của cụ R, tên vợ ông và các con cụ R. Hiện nay phần đất này chưa được cấp quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình bà đã canh tác ổn định hai thửa đất này. Năm 2008, ông M yêu cầu bà đưa số tiền 20.000.000 đồng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà đưa trước cho ông M 15.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng khi nào làm xong giấy tờ sẽ giao đủ, sau đó ông M không thực hiện như thỏa thuận và đã trả lại cho bà số tiền 15.000.000 đồng. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, yêu cầu được tiếp tục sử dụng thửa đất số 1370 và 1329.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, đã tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Diệp Văn M, ông Diệp Văn V, bà Diệp Thị M1, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị C về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 2.137,5m<sup>2</sup>, chiết từ thửa số 1329, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa và diện tích 2.020m<sup>2</sup>, thửa số 1370, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Diệp Văn M, ông Diệp Văn V, bà Diệp Thị M1, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị C về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lê Thị P thuộc thửa số 1370, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.020m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Giao cho bà Lê Thị P tiếp tục sử dụng diện tích 2.137,5m<sup>2</sup>, chiết từ thửa số 1329, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2019/DS-PT ngày 07 tháng 3 năm 2019

của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Diệp Văn M, ông Diệp Văn V, bà Diệp Thị M1, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị C.

Hộ bà Lê Thị P, ông Võ Văn T, ông Võ Văn T1 và Võ Thị Y được tiếp tục sử dụng thửa đất số 1370, diện tích 2.020m<sup>2</sup> (theo kết quả đo đạc thực tế là 1.984,7m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 4 (theo tư liệu năm 2005 diện tích 1.984,7m<sup>2</sup> chiết từ thửa số 24) (ký hiệu B), tọa lạc Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T do bà Lê Thị P đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất và các cây trồng trên đất (*có tuyên vị trí tứ cận và sơ đồ kèm theo*).

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tờ giao ước sang nhượng ruộng đất canh tác ngày 30/6/1993. Hộ bà Lê Thị P, ông Võ Văn T, ông Võ Văn T1 và Võ Thị Y được tiếp tục sử dụng diện tích đất 2.173m<sup>2</sup> thuộc một phần của thửa 1329, tờ bản đồ số 4 theo tư liệu năm 1991 (theo tư liệu năm 2005 là thửa số 24, tờ bản đồ số 4) (ký hiệu A), đất tọa lạc ấp B1, xã P, huyện C, tỉnh T (*có tuyên vị trí tứ cận và sơ đồ kèm theo*).

Hộ gia đình bà Lê Thị P có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc kê khai, đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên vị trí tứ cận các thửa đất tranh chấp, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 29/9/2020, nguyên đơn ông Diệp Văn M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 1370 diện tích 2.020m<sup>2</sup> (thực đo diện tích 1.984,7m<sup>2</sup>) chiết từ thửa 24 đã cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà P. Buộc hộ bà Lê Thị P, ông Võ Văn T và anh Võ Minh T1 giao trả diện tích đất thửa số 1370; thửa số 1329 (theo tư liệu 2005 thuộc thửa 24 diện tích 2.137,5m<sup>2</sup>), cùng tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Ngày 21/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh Quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P cho rằng:* Bà P có chuyển nhượng đất cho cụ R với số vàng 07 chỉ 24k và 100 gia lúa có giá trị tương đương tại thời điểm năm 1991 và năm 1993, mà người dân tại địa phương chuyển nhượng cho nhau. Thửa đất 1370 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa 1329 bà P sử dụng ổn định lâu dài, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thực tế có việc chuyển nhượng, công nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P, bác yêu cầu của ông M, giữ nguyên án sơ thẩm.

- *Ý kiến của phát biểu của Kiểm sát Viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 30/6/1993 tại thửa 1329 diện tích 2.137,5m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp B1, xã P, huyện C, tỉnh T cho hộ bà Lê Thị P là không đúng quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự vì Tòa án chỉ thụ lý giải quyết việc tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng khi xét xử lại công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng cho bà P trong khi bà P không có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng là vượt quá yêu cầu phạm vi khởi kiện. Tại tờ chuyển nhượng 02 công đất ruộng đề ngày 06/4/1991 bà P cho rằng cụ R viết và ký tên nhưng tờ chuyển nhượng diện tích đất 2.020m<sup>2</sup> có sự xác nhận của chính quyền địa phương thì thể hiện cụ R cùng vợ là Nguyễn Thị G gạch dấu chéo (X) thay cho ký tên, việc này chưa được làm rõ vì sao tờ sang nhượng trước ký tên, tờ sang nhượng sau lại gạch chéo, quá trình xác minh các nhân chứng đều thể hiện không có trực tiếp chứng kiến việc chuyển nhượng đất giữa bà P và cụ R. Ông M không thừa nhận việc cha ông chuyển nhượng đất cho bà P, vấn đề này chưa được xác minh làm rõ để có cơ sở vững chắc xác định cụ R đã chuyển nhượng 02 thửa đất 1370 và 1329 cho bà P hay không. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử công nhận 02 thửa đất cho bà P là điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, do có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và thiếu sót về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm. Đối với kháng nghị yêu cầu giám định chữ ký của cụ R Viện kiểm sát xin rút lại vì vấn đề này đã được Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định xong.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thụ lý vụ án giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, khi giải quyết thì lại giải quyết luôn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa 1329, trong khi bà Lê Thị P không có làm đơn yêu cầu phản tố, Tòa án cấp sơ thẩm không có thụ lý và tiến hành thủ tục phản tố mà vẫn tuyên công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện vi phạm Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

[2] Xét kháng cáo của ông Diệp Văn M yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 1370 diện tích 2.020m<sup>2</sup> (thực đo diện tích 1.984,7m<sup>2</sup>) chiếc từ thửa 24, đã cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà P. Buộc hộ bà Lê Thị P, ông Võ Văn T và anh Võ Minh T1 giao trả cho gia đình ông diện tích đất thửa số 1370 và thửa số 1329 (theo tư liệu 2005 thuộc thửa 24 diện tích 2.137,5m<sup>2</sup>), cùng tờ bản đồ số 4, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T. Xét nguồn gốc đất tranh chấp nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận đất của cụ Diệp Trung R (cha của ông

M), ông M khởi kiện bà P yêu cầu giao trả hai thửa đất 1370 và 1329 vì hai thửa đất này cha ông M là cụ R cầm cố cho bà P nên đòi lại quyền sử dụng đất. Bà P cho rằng đất tranh chấp nhận chuyển nhượng từ cụ R nên không chấp nhận giao trả cho nguyên đơn.

[3] Tại tờ sang nhượng chủ quyền đất ruộng đề ngày 06/4/1991 bà P cho rằng chính cụ R viết và ký tên chuyển nhượng 02 công đất ruộng diện tích 2.020m<sup>2</sup> thuộc thửa 1370, nhưng tại tờ sang nhượng ruộng đất canh tác đề ngày 30/6/1993 (nay thuộc thửa 1329 diện tích 2.137,5m<sup>2</sup>) có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện cụ R cùng vợ là Nguyễn Thị G gạch dấu chéo (X) thay cho ký tên. Việc này cấp sơ thẩm chưa làm rõ vì sao tờ sang nhượng trước ký tên, nhưng tờ sang nhượng sau lại gạch chéo, các nhân chứng là người sống gần đất tranh chấp đều cho rằng có biết việc cụ R chuyển nhượng đất cho bà P nhưng không có trực tiếp chứng kiến việc thỏa thuận sang nhượng giữa cụ R với bà P, chính quyền địa phương có xác nhận việc sang nhượng nhưng cũng không trực tiếp chứng kiến cụ R có ký tên hay không. Tòa án cấp phúc thẩm có thu thập chứng cứ để trưng cầu giám định nhưng hiện tại cụ R cụ G đã chết không thể thu thập đầy đủ mẫu chữ ký và chữ viết của cụ R nên không thực hiện được việc giám định, nên cần phải xác minh làm rõ việc gạch chéo này có phải cụ R cụ G đã gạch chéo hay do bà P ông T tự gạch chéo vào tờ sang nhượng để xác định rõ ý chí của cụ R cụ G lúc sinh thời có chuyển nhượng thửa đất 1329 hay không, tại phiên tòa phúc thẩm bà P cũng không chứng minh được việc này. Do đó, khi đã làm rõ giữa chữ ký và dấu gạch chéo của hai tờ sang nhượng đất do cụ R cụ G thì việc công nhận 02 thửa đất cho bà P mới có cơ sở vững chắc và khách quan.

Từ những thiếu sót trên Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất hủy toàn bộ án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hủy bản án sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện C xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông Diệp Văn M 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0001716 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh T;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Hữu Bình**





**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**